**KHUNG NĂNG LỰC SỐ CÔNG NGHỆ 7-CTST**

| **STT** | **Bài học/Chủ điểm** | **Hoạt động Công nghệ số điển hình** | **Gợi ý Mã hóa NLS (TC1)** | **Mô tả Năng lực số (Dựa theo Mã hóa NLS TC1)** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Bài 1: Nghề trồng trọt | Tìm kiếm: Thực hiện được rõ ràng và theo quy trình các tìm kiếm về vai trò, triển vọng và định hướng nghề nghiệp trồng trọt ở Việt Nam. | 1.1.TC1b | Thực hiện được rõ ràng và theo quy trình các tìm kiếm để tìm dữ liệu, thông tin và nội dung trong môi trường số. |
| 2 | Bài 2: Các phương thức trồng trọt | Tổ chức: Sử dụng các công cụ số để tổ chức, phân loại, kết nối và liên kết các phương thức trồng trọt và công nghệ cao. | 2.3.TC1b | Sử dụng các công cụ số để tổ chức, phân loại, kết nối và liên kết thông tin, dữ liệu số. |
| 3 | Bài 3: Quy trình trồng trọt | Sáng tạo: Sử dụng các công cụ số để tạo ra các sơ đồ, đồ thị, biểu đồ minh họa quy trình trồng trọt. | 4.1.TC1b | Sử dụng các công cụ số để tạo ra các sơ đồ, đồ thị, biểu đồ từ các dữ liệu và thông tin đã được tổ chức rõ ràng. |
| 4 | Bài 4: Nhân giống cây trồng bằng phương pháp giâm cành | Đánh giá: Thực hiện phân tích, so sánh, đánh giá được độ tin cậy của các nguồn hướng dẫn kĩ thuật giâm cành. | 1.2.TC1a | Thực hiện phân tích, so sánh, đánh giá được độ tin cậy và độ chính xác của các nguồn dữ liệu, thông tin. |
| 5 | Bài 5: Trồng và chăm sóc cây cải xanh | Cộng tác: Sử dụng các công cụ số để thực hiện các hoạt động hợp tác theo nhóm đơn giản (phân công nhiệm vụ, báo cáo tiến độ dự án trồng cây). | 5.1.TC1b | Sử dụng các công cụ số để thực hiện các hoạt động hợp tác theo nhóm đơn giản. |
| Dự án 1 | Kế hoạch trồng và chăm sóc cây trồng | Lựa chọn: Lựa chọn các công cụ số phù hợp để tạo ra nội dung số đa phương tiện (video, infographic) báo cáo dự án. | 3.1.TC1b | Lựa chọn được các công cụ số phù hợp để tạo các loại nội dung số khác nhau. |
| 6 | Bài 6: Rừng ở Việt Nam | Tìm kiếm: Giải thích được rõ ràng và theo quy trình chiến lược tìm kiếm về vai trò của rừng và thực trạng bảo vệ rừng. | 1.1.TC1d | Giải thích được rõ ràng và theo quy trình chiến lược tìm kiếm. |
| 7 | Bài 7: Trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng | Xử lí vấn đề: Gắn kết được cá nhân và tập thể vào quá trình xử lý nhận thức về tầm quan trọng của việc bảo vệ rừng. | 5.3.TC1b | Gắn kết được cá nhân và tập thể vào một số quá trình xử lý nhận thức để hiểu và giải quyết các vấn đề mang tính khái niệm. |
| 8 | Bài 8: Nghề chăn nuôi ở Việt Nam | Tìm kiếm: Giải thích được nhu cầu thông tin về các loại vật nuôi, quy mô và triển vọng nghề chăn nuôi. | 1.1.TC1a | Giải thích được nhu cầu thông tin. |
| 9 | Bài 9: Phương thức chăn nuôi | Tổ chức: Lựa chọn và sử dụng công cụ số để sắp xếp, tổ chức thông tin về các phương thức chăn nuôi hiện đại (công nghệ cao, hữu cơ...). | 2.3.TC1a | Lựa chọn và sử dụng công cụ số để sắp xếp, tổ chức thông tin, dữ liệu số theo tiêu chí nhất định. |
| 10 | Bài 10: Kĩ thuật nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi | Sáng tạo: Tạo nội dung số dưới dạng văn bản (hướng dẫn, sổ tay kỹ thuật) về quy trình nuôi dưỡng vật nuôi. | 3.1.TC1a | Tạo nội dung số dưới dạng văn bản (tóm tắt, văn bản tường thuật, báo cáo). |
| 11 | Bài 11: Kĩ thuật chăn nuôi gà thịt thả vườn | An toàn số: Giải thích được nhu cầu bảo vệ thông tin cá nhân và quyền riêng tư khi trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm chăn nuôi. | 5.2.TC1a | Giải thích được nhu cầu bảo vệ thông tin cá nhân và quyền riêng tư. |
| Dự án 2 | Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi | Sử dụng AI: Sử dụng được các công cụ AI trong công việc và học tập hàng ngày (ví dụ: tìm kiếm thông tin dịch bệnh, tối ưu hóa thức ăn). | 6.2.TC1a | Sử dụng được các công cụ AI trong công việc và học tập hàng ngày. |
| 12 | Bài 12: Ngành thuỷ sản ở Việt Nam | Tìm kiếm: Thực hiện được rõ ràng và theo quy trình các tìm kiếm về tiềm năng, sản lượng, và các loại thủy sản chủ lực. | 1.1.TC1b | Thực hiện được rõ ràng và theo quy trình các tìm kiếm để tìm dữ liệu, thông tin và nội dung trong môi trường số. |
| 13 | Bài 13: Quy trình kĩ thuật nuôi thuỷ sản | Chia sẻ: Lựa chọn được công cụ và hình thức phù hợp để chia sẻ sản phẩm học tập/tài liệu về quy trình kĩ thuật. | 3.3.TC1a | Lựa chọn được công cụ và hình thức phù hợp để chia sẻ sản phẩm học tập/tài liệu. |
| 14 | Bài 14: Bảo vệ môi trường và nguồn lợi thuỷ sản | Xử lí vấn đề: Gắn kết được cá nhân và tập thể vào quá trình xử lý nhận thức về giải pháp bảo vệ nguồn lợi thủy sản. | 5.3.TC1b | Gắn kết được cá nhân và tập thể vào một số quá trình xử lý nhận thức để hiểu và giải quyết các vấn đề mang tính khái niệm. |
| Dự án 3 | Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc thủy sản | Tự đánh giá: Giải thích được NLS của bản thân cần được cải thiện hoặc cập nhật ở đâu sau khi hoàn thành dự án. | 5.4.TC1a | Giải thích được NLS của bản thân cần được cải thiện hoặc cập nhật ở đâu. |